

DANH SÁCH CHI TIẾT DIỆN TÍCH, LOẠI ĐẤT, CHỦ SỬ DỤNG ĐẤT THỐNG NHẤT XÁC NHẬN

Tiểu Dự án Cấp điện nông thôn từ lưới điện quốc gia tỉnh Quảng Ngãi, giai đoạn 2018 - 2020 - EU tài trợ

Công trình Cấp điện Xã Sơn Trung

Địa điểm xây dựng: Xã Sơn Trung, Huyện Sơn Hà, tỉnh Quảng Ngãi

(Kèm theo Công văn số 903/UBND-NNMT ngày 09 tháng 4 năm 2025 của UBND huyện Sơn Hà)

TT	Chủ sử dụng	Theo chính lý bản đồ địa chính khu đất tỷ lệ 1/1000 năm 2021							Theo chính lý bản đồ địa chính khu đất tỷ lệ 1/1000 năm 2024						Theo GCN QSD Đất				Diện tích xác nhận hiện trạng (m ²)	Loại đất xác nhận	Lý do tăng giảm	Nguồn gốc sử dụng đất	Ghi chú
		Thuộc tờ BĐ địa chính số	Tờ BĐ địa chính khu đất số	Số thửa	Diện tích đo đạc bổ sung (m ²)	Diện tích trích lục (m ²)	Diện tích quy hoạch (m ²)	Loại đất	Tờ BĐ địa chính khu đất số	Số thửa	Diện tích đo đạc bổ sung (m ²)	Diện tích trích lục (m ²)	Diện tích quy hoạch (m ²)	Loại đất	Số thửa	Tờ bản đồ địa chính	Diện tích	Loại đất					
1	Đinh Thị Vôi	Tờ 02, tỷ lệ 1/5000	1	128	844,6		3,8	LUC	1	183	844,6		3,8	LUC	Tự kê khai		5055,0	LUC	844,6	LUC	Khi kê khai đăng ký người sử dụng đất kê khai có sai sót so với hiện trạng sử dụng đất	Nhà nước công nhận QSD đất số 00154	
2	Đinh Thị Vôi	Tờ 02, tỷ lệ 1/5000	1	129	424,9		1,0	LUC	1	184	424,9		1,0	LUC	Tự kê khai		5055,0	LUC	424,9	LUC	Khi kê khai đăng ký người sử dụng đất kê khai có sai sót so với hiện trạng sử dụng đất	Nhà nước công nhận QSD đất số 00154	
3	Phan Xuân Quỳnh (vợ: Nguyễn Thị Len)	Tờ 05, tỷ lệ 1/5000	1	674	659,1		1,0	LUC	1	807	659,1		1,0	LUC	Tự kê khai		595,0	LUC	659,1	LUC	Khi kê khai đăng ký người sử dụng đất kê khai có sai sót so với hiện trạng sử dụng đất	Nhà nước công nhận QSD đất số 00155	
4	Đinh Văn Ban	Tờ 05, tỷ lệ 1/5000	1	677	3042,2		1,0	LUC	1	810	3042,2		1,0	LUC	Tự kê khai		2200,0	LUC	3042,2	LUC	Khi kê khai đăng ký người sử dụng đất kê khai có sai sót so với hiện trạng sử dụng đất	Nhà nước công nhận QSD đất số 00140	

TT	Chủ sử dụng	Theo chỉnh lý bản đồ địa chính khu đất tỷ lệ 1/1000 năm 2021							Theo chỉnh lý bản đồ địa chính khu đất tỷ lệ 1/1000 năm 2024						Theo GCN QSD Đất				Diện tích xác nhận hiện trạng (m ²)	Loại đất xác nhận	Lý do tăng giảm	Nguồn gốc sử dụng đất	Ghi chú
		Thuộc tờ BĐ địa chính số	Tờ BĐ địa chính khu đất số	Số thửa	Diện tích đo đạc bổ sung (m ²)	Diện tích trích lục (m ²)	Diện tích quy hoạch (m ²)	Loại đất	Tờ BĐ địa chính khu đất số	Số thửa	Diện tích đo đạc bổ sung (m ²)	Diện tích trích lục (m ²)	Diện tích quy hoạch (m ²)	Loại đất	Số thửa	Tờ bản đồ địa chính	Diện tích	Loại đất					
5	Đình Thị Miêu	Tờ 13, tỷ lệ 1/2000	3	12		553,3	1,2	ONT+ NHK	3	12		553,3	1,2	ONT+ NHK	12	13	539,2	ONT+ NHK	553,3	ONT+NHK	Khi kê khai đăng ký người sử dụng đất kê khai có sai sót so với hiện trạng sử dụng đất	Nhà nước công nhận QSD đất số CH00109	
6	Đình Văn Bình	Tờ 08, tỷ lệ 1/5000	3	369	384,9		2,3	ONT	3	410	384,9		2,3	ONT	Tự kê khai		738,0	ONT+ NHK	384,9	ONT	Khi kê khai đăng ký người sử dụng đất kê khai có sai sót so với hiện trạng sử dụng đất	Nhà nước công nhận QSD đất số 00664	
7	Đình Trà	Tờ 08, tỷ lệ 1/5000	3	370	1246,4		1,3	ONT+ NHK	3	411	1246,4		1,3	ONT+ NHK	Tự kê khai		589,0	ONT+ NHK	1246,4	ONT+NHK	Khi kê khai đăng ký người sử dụng đất kê khai có sai sót so với hiện trạng sử dụng đất	Nhà nước công nhận QSD đất số 00676	
Tổng cộng:					6602,1	553,3	11,6				6602,1	553,3	11,6				14771,2		7155,4				